TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DSPT
Ngày: 25-5-2018
V/v: "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Quang;

Các Thẩm phán: Ông Mai Tấn Hoàng và bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Vũ Tường Ninh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Đào Thị Thu Tuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc: *"Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng đất và Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 57/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 5 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 70/2018/QĐ-PT ngày 10/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981; Có mặt;
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm: 1944; Có mặt;
Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Phú Yên. Có ông Ngô Văn Đ - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T là đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện T. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND xã H, huyện T tỉnh Phú Yên. Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND xã H: Ông Nguyễn Quang V – Phó Chủ tịch UBND xã H. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Nguyễn Chí K, sinh năm 1930; Có mặt;

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; Có mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện T, tỉnh Phú Yên.

4. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2016 đã được sửa đổi bổ sung ngày 18/4/2016 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Vợ chồng ông được Nhà nước giao một thửa đất ở và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2011 tại thửa 898 (1) tờ bản đồ 84-C diện tích 144m^2 tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T tỉnh Phú Yên. Do chưa có điều kiện xây nhà nên ông kéo lưới B40 rào đất lại thì bà Phạm Thị T tháo lưới, nhổ trụ bê tông, ném và đòi lại đất. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng quyền sử dụng đất của vợ chồng ông.

Bị đơn bà Phạm Thị T trình bày: Diện tích đất hiện nay Nhà nước giao cho ông T nguyên là một phần đất tranh, tre của cha mẹ chồng bà là ông Nguyễn T, bà Mai Thị H quản lý, sử dụng (cha mẹ chồng bà quản lý, sử dụng khoảng 2.000m^2). Năm 1987 mẹ chồng bà chết, năm 1988 cha chồng bà chết, trước khi chết cha chồng bà có để lại di chúc cho vợ chồng bà. Từ đó vợ chồng bà sử dụng đất và đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ. Năm 1995 chính quyền thôn M tự ý giao đất cho Ủy ban nhân dân xã H để làm đất 5% nhưng gia đình bà vẫn tiếp tục sử dụng đất. Đến năm 2010, chính quyền xã, huyện chuyển mục đích sử dụng đất thành đất ở, không sử dụng vào 03 mục đích quốc phòng, quốc gia, tập thể mà phân lô giao cho cá nhân sử dụng. Trong khi đó gia đình bà cần đất ở nhưng không cấp đủ (chỉ cấp 02 lô cho 02 người con trai bà) còn bà và anh H (con trai bà) chưa có đất ở nhưng Nhà nước lại giao đất cho ông T là người không đủ tiêu chuẩn và không đúng đối tượng cấp đất, hơn nữa khi chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T, bà đã có tranh chấp nhưng vẫn cấp. Do đó, nay bà yêu cầu phản tố, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện T đã cấp cho ông T, yêu cầu ông T phải trả lại phần đất đó cho bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của chồng là ông T. Vợ chồng bà được Nhà nước giao đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu bà T chấm dứt hành vi cản trở việc thực hiện quyền sử dụng đất của vợ chồng bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K trình bày: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị T.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H có ông Nguyễn Quang V trình bày: Thửa đất số 459, tờ bản đồ 84C diện tích 1.478m^2 là đất công ích do UBND xã quản lý. Khi giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, hộ ông Nguyễn Chí K, vợ là Phạm Thị T không đưa đất này vào nhận khoán, nên đất này thuộc đất công ích do xã quản lý. Ngày 10/3/2010, UBND huyện T ra Quyết định số 425/QĐ-UBND về việc thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất để giao cho hộ gia đình, cá nhân trong đó có thửa 459 nói trên. Ngày 15/01/2010, Hội đồng tư vấn xét giao đất cho 109 hộ gia đình tại xã H trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T. Ngày 17/01/2011, UBND xã H có

làm tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt giao đất xây dựng nhà ở cho hộ gia đình, cá nhân. Ngày 09/4/2011, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2059 giao đất cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T. Ông T đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đầy đủ. Ngày 18/7/2011, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Việc giao đất cho ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Do đó, việc bà T đòi lại đất là không đúng theo quy định của Luật Đất đai.

Tại Công văn số 810/UBND-TNMT ngày 03/7/2017, UBND huyện T có ý kiến: Ngày 02/12/2009, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2120/QĐ-UBND phê duyệt quy hoạch phân lô chi tiết điểm dân cư xã H với 113 lô có tổng diện tích 17.456m^2. Ngày 10/3/2010, UBND huyện T ra Quyết định số 425/QĐ-UBND về việc thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất để giao cho hộ gia đình, cá nhân trong đó có thửa 459 tờ bản đồ 84C diện tích 1.478m^2 thuộc đất công ích do UBND xã H quản lý. Ngày 15/01/2010, Hội đồng tư vấn xét giao đất cho 109 hộ gia đình tại xã H trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T và đã niêm yết danh sách công khai, trong thời hạn 15 ngày không có ai có đơn khiếu nại, tố cáo. Ngày 17/01/2011, UBND xã H có làm tờ trình đề nghị cấp có thẩm quyền phê duyệt giao đất xây dựng nhà ở cho 109 hộ gia đình, cá nhân nói trên. Ngày 09/4/2011, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2059 giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn T với diện tích 144m^2 tại lô số 4, thửa đất số 898 (thửa đất được tạo ra từ thửa 459) tờ bản đồ 84C. Ông T đã nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đầy đủ nên ngày 18/7/2011, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T. Việc giao đất cho ông T là thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ vào khoản 5, Điều 26 Luật Đất đai, việc bà T đòi lại đất đã giao cho ông T và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2017/DSST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai và Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, 157, 158 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn vợ ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc sử dụng quyền sử dụng diện tích đất 144m^2 tại thửa 898 tờ bản đồ 84-C, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T tỉnh Phú Yên của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H để giao đất lại cho bị đơn.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/9/2017, bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với nội dung: Đất đang tranh chấp do gia đình bà sử dụng từ trước năm 1995, Ủy ban nhân dân

huyện T cấp đất cho vợ chồng ông T trong khi đất đang có tranh chấp là không đúng quy định pháp luật. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn xin giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K giữ nguyên yêu cầu phản tố và yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX và những người tham gia tố tụng là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị T và chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T và UBND xã H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

Tại phiên tòa ngày 27/3/2018, ông Nguyễn Chí K khai ông có khởi kiện vụ án hành chính đối với UBND xã H về việc thu hồi đất tại Tòa án nhân dân huyện T nhưng không được giải quyết. Hội đồng xét xử đã dừng phiên tòa để thu thập hồ sơ vụ án hành chính để xem xét việc khiếu kiện vụ án hành chính có liên quan đến yêu cầu phản tố của bà T hay không. Tòa án nhân dân huyện T đã cung cấp hồ sơ vụ án hành chính, hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 02/11/2016 ông Nguyễn Chí K có đơn khởi kiện đối với UBND xã H về việc thu hồi đất. Ngày 13/3/2017 TAND huyện T thụ lý vụ án hành chính số 01/2017/TL-ST về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Đến ngày 14/4/2017 Tòa án nhân dân huyện T ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 01/2017/QĐST-HC với lý do thời hiệu khởi kiện đã hết. Đến ngày 20/3/2018, ông Nguyễn Chí K có đơn xin nhận lại tài liệu chứng cứ gốc, Tòa án nhân dân huyên T đã trả lại tài liệu chứng cứ ông K ký nhận đủ. Xét thấy việc ông K khiếu kiện hành vi hành chính của UBND xã H trong quản lý đất đai không liên quan đến yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB765224 ngày 18/7/2011 của UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành tiếp tục giải quyết vụ án.

Về yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K: Nguồn gốc thửa đất 459, tờ bản đồ 84-C,

diện tích 1.478m^2 trước năm 1995 do vợ chồng ông K, bà T quản lý, sử dụng. Tuy nhiên năm 1995, khi Nhà nước thực hiện giao đất theo Nghị định 64/CP của Chính phủ thì ông Nguyễn Chí K không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất để được Nhà nước giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ mà kê khai nhận đất ruộng nên diện tích đất này chuyển sang đất công ích do UBND xã H quản lý giao cho hộ ông K thuê. Ngày 10/3/2010, UBND huyện T ra Quyết định số 425/QĐ-UBND về việc thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất để giao cho hộ gia đình, cá nhân trong đó có thửa 459 nói trên. Ngày 15/01/2010, Hội đồng tư vấn xét giao đất cho 109 hộ gia đình tại xã H trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T, do ông T chưa có đất ở. Ngày 09/4/2011, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2059 giao đất cho hộ ông Nguyễn Văn T với diện tích 144m^2 tại lô số 4, thửa đất số 898 (thửa đất được tạo ra từ thửa 459) tờ bản đồ 84C. Ngày 18/7/2011, UBND huyện T đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T số hiệu BB765224. Việc UBND huyện T ra quyết định thu hồi chuyển mục đích sử dụng đất trong đó có thửa 459 tờ bản đồ 84C diện tích 1.478m^2 thuộc đất công ích do UBND xã H quản lý (có nguồn gốc đất gia đình ông K) và giao đất ở cho 109 hộ gia đình tại xã H trong đó có hộ ông Nguyễn Văn T với diện tích 144m^2 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB765224 ngày 18/7/2011 là có căn cứ, đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền Luật đất đai quy định. Ông Nguyễn Chí K, bà Phạm Thị T không có khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định nêu trên của UBND huyện T, nên các quyết định này đã có hiệu lực pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB765224 ngày 18/7/2011 của UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T - buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 144m^2 của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không thể thỏa mãn yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Chí K.

Về án phí: Bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông K kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên bà T, ông K là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Chí K. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T. Buộc bị đơn bà Phạm Thị T phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với việc thực hiện quyền sử dụng diện tích đất 144m^2 tại thửa 898 tờ bản đồ 84-C, tọa lạc tại thôn M, xã H, huyện T tỉnh Phú Yên của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H.

2. Bác yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phạm Thị T yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB765224 ngày 18/7/2011 của UBND huyện T cấp cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị H.

3. Về án phí: Bị đơn bà Phạm Thị T và ông Nguyễn Chí K được miễn nộp tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm dân sự. Hoàn lại cho bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Chí K 200.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 0002472 ngày 07/7/2016 và 600.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại các biên lai số 0005686, biên lai thu số 0005685 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Hoàn lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T 200.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm tại biên lai số 0002382 ngày 19/4/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bị đơn bà Phạm Thị T phải chịu 600.000đ. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này nên bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn 600.000đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND huyện T (2);
- Chi cục THADS huyện T;
- P.GĐKT;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lương Quang